

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

PHỤ LỤC BÁO CÁO
SƠ KẾT 5 NĂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW

1. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và đào tạo từ xa

1.1. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học

Thời gian	Cấp xã, thị trấn					Cấp huyện	
	Tổng số xã, thị trấn	Số xã, thị trấn đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)	Số xã, thị trấn đạt mức độ 3	Tỷ lệ (%)	Đạt mức độ 2	Đạt mức độ 3
Năm 2019	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2020	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2021	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2022	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2023	13	0	0	13	100	0	13

1.2. Kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở

Thời gian	Cấp xã, thị trấn					Cấp huyện	
	Tổng số xã, thị trấn	Số xã, thị trấn đạt mức độ 1	Tỷ lệ (%)	Số xã, thị trấn đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)	Đạt mức độ 1	Đạt mức độ 2
Năm 2019	13	0	0	7	53,8	0	13
Năm 2020	13	0	0	6	46,2	0	13
Năm 2021	13	0	0	4	30,8	0	13
Năm 2022	13	0	0	2	15,4	0	13
Năm 2023	13	0	0	1	7,7	0	13

1.3. Kết quả xóa mù chữ

Thời gian	Cấp xã, thị trấn					Cấp huyện	
	Tổng số xã, thị trấn	Số xã, thị trấn đạt mức độ 1	Tỷ lệ (%)	Số xã, thị trấn đạt mức độ 2	Tỷ lệ (%)	Đạt mức độ 1	Đạt mức độ 2
Năm 2019	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2020	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2021	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2022	13	0	0	13	100	0	13
Năm 2023	13	0	0	13	100	0	13

Thời gian	Tổng số người mù chữ	Tổng số người huy động ra học xóa mù chữ	Trong đó								Ghi chú
			Trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi	Chia ra: là người dân tộc thiểu số	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	Trong độ tuổi từ 36 đến 60 tuổi	Chia ra: là người dân tộc thiểu số	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1	Chia ra: được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2	
Năm 2019	2992	0	71652	3	71206	71161	68725	1	67369	66224	
Năm 2020	1907	0	72083	4	72047	72043	71374	1	70375	69506	
Năm 2021	1780	0	71384	4	71358	71354	73123	1	72178	71373	
Năm 2022	1593	0	71472	5	71448	71445	74653	1	73822	73087	
Năm 2023	1369	0	71435	5	71402	71403	75819	1	75153	74482	

Thời gian	Tổng số người được công nhận biết chữ mức độ 1 (từ 15 đến 60 tuổi)	Tổng số người được công nhận biết chữ mức độ 2 (từ 15 đến 60 tuổi)	Số người tái mù chữ	Ghi chú
Năm 2019	138575	137385	0	
Năm 2020	142422	141549	0	
Năm 2021	143536	142727	0	
Năm 2022	145270	144532	0	
Năm 2023	146555	145885	0	

1.4. Kết quả đào tạo từ xa

- Tổng số cơ sở giáo dục thực hiện đào tạo từ xa: 53/53 cơ sở giáo dục.

III. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập

Thời gian	Cấp xã				Cấp huyện		Ghi chú
	Tổng số xã, thị trấn	Số xã, thị trấn có hội Khuyến học	Số người được công nhận đạt danh hiệu “Công dân học tập”	Số xã, thị trấn được công nhận “Xã học tập” (theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT)	Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp... được công nhận “Cộng đồng học tập cấp huyện” (theo Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT)	Được công nhận “Huyện học tập” (theo Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT)	
Năm 2019	13	13	-	0	-	-	
Năm 2020	13	13	-	2	-	-	
Năm 2021	13	13	-	2	-	-	
Năm 2022	13	13	-	3	-	-	
Năm 2023	13	13	1286	4	9	-	

